

Bản án số: 695/2025/HS-PT

Ngày: 29/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Chiếu

Ông Nguyễn Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Khánh Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 484/2025/TLPT-HS ngày 28/5/2025, theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 498/2025/QĐXXPT-HS ngày 18/6/2025 đối với bị cáo Phạm Trường S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Trường S**, sinh năm 1995; Đăng ký thường trú: Xóm I, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn B và bà Phan Thị L; V là Ngô Thị Đ và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 39/2015/HSST ngày 25/6/2015, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Bị bắt tạm giam từ ngày 23/01/2025; Tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; Có mặt.

- Bị hại không kháng cáo: Anh Trần Văn Đ1, sinh năm 2000; Đăng ký thường trú: Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

- Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Hồng T – Công ty L1; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Trường S là giám đốc công ty Cổ phần D (Địa chỉ: số I phố N, phường P, quận N, Hà Nội). Công ty D không được sở G cấp phép đưa người đi du học tại

nước ngoài và công ty cũng không hợp tác với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào kinh doanh dịch vụ tư vấn du học. Khoảng tháng 6/2023, anh Trần Văn Đ1 (sinh năm 2000, HKTT: T, Y, Nghệ An) có nhu cầu cho em gái Trần Thị Kim A (sinh năm 2006, HKTT: T, Y, Nghệ An) đi du học tại Úc nên thông qua giới thiệu của anh Đông Văn M (sinh năm 1993, HKTT: T, Đ, Hà Nội) về việc Phạm Trường S - Giám đốc công ty D có khả năng đưa người đi du học nên anh Đ1 đã đến văn phòng công ty D tại số 1 phố N để gặp S. Tại đây, S nói với anh Đ1 công T1 của S có chức năng đưa người đi du học và cam kết sẽ làm được thủ tục cho chị Kim A đi du học Úc và để anh Đ1 tin tưởng, S yêu cầu anh Đ1 nộp hồ sơ và đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng để làm thủ tục nhưng chưa nói cụ thể chi phí vì sẽ tùy từng trường theo học thì mức chi phí sẽ khác nhau, anh Đ1 đồng ý. Ngày 21/6/2023, anh Đ1 đã chuyển khoản 50.000.000 đồng từ tài khoản số 1013299278 của mình tại ngân hàng V1 đến tài khoản số 0491000140701 tại ngân hàng V2 của anh M, sau đó anh M đã chuyển tiếp số tiền trên đến tài khoản số 19034785039011 của Phạm Trường S tại ngân hàng V2 để đặt cọc cho S làm thủ tục cho chị Kim A đi du học. Sau khi đặt cọc tiền một thời gian, gia đình anh Đ1 đã gọi điện cho S hỏi tiến độ hồ sơ của chị Kim A nên để anh Đ2 tin tưởng tiếp tục nộp tiền, ngày 01/11/2023, S đã gọi điện thông báo với anh Đ1 hồ sơ của chị Kim A đã được trường bên Úc tiếp nhận. Đồng thời, S lấy 01 thư mời của trường U tên Nguyễn Văn T2 có sẵn trong điện thoại của mình rồi lên mạng liên hệ với một người không quen biết nhờ chỉnh sửa lại thông tin thành thư mời của chị Trần Thị Kim A và thay đổi ngày tháng trong thư mời cho phù hợp rồi gửi thư mời giả đó cho anh Đ1 để tạo lòng tin. Sau đó, S yêu cầu anh Đ1 nộp 21.518 Đô la Úc (tương đương 352.360.000 đồng) là tiền học phí và tiền ăn ở trong vòng 06 tháng tại trường UIL của chị Kim A. Ngày 07/11/2023, anh Đ1 đã đến văn phòng công ty D ký hợp đồng dịch vụ tư vấn du học tự túc - nước Úc, với nội dung công ty D là đại diện cung cấp thông tin, tư vấn và hỗ trợ gia đình anh Đ1 thực hiện các thủ tục cần thiết để chị Kim A được phép đi du học tại Úc theo chương trình du học tự túc do S là người ký. Đến ngày 06/12/2023, anh Đ1 cùng bố là Trần Văn T3 (sinh năm 1977, HKTT: Xã T, huyện Y, Nghệ An) đến văn phòng công ty D. Tại đây, anh Đ1 đã chuyển số tiền 352.360.000 đồng (không bao gồm số tiền 50.000.000 đồng tiền đặt cọc) từ tài khoản số 1013299278 mở tại ngân hàng V2 của mình đến tài khoản số 88666663979 mở tại ngân hàng V3 của S. Khi đó, S bảo vợ là Ngô Thị Đ (sinh năm: 1994, HKTT: xã L, G, Hải Dương) lập 01 phiếu thu tiền đồng thời S viết 01 cam kết hoàn tiền học phí với nội dung: “Tôi và ông Trần Văn T3 có thỏa thuận và ký kết hợp đồng làm hồ sơ cho Trần Thị Kim A đi du học Úc. Theo đó, trong khoảng thời gian từ lúc lẫn tay đến lúc có kết quả visa nếu trường hợp hồ sơ bị trượt thì sau khoảng 01 tháng công ty sẽ hoàn lại tiền học phí cho gia đình ông Trần Văn T3”.

Sau khi nhận tiền và hồ sơ của chị Kim A, S không liên hệ với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào để làm thủ tục cho chị Kim A đi du học như đã hứa. Anh Đ1 sau khi không thấy S lo được cho chị Kim A đi du học nên đã liên hệ với S để rút hồ sơ và

số tiền đã nộp. Ngày 29/3/2024, S đã chuyển trả lại số tiền cọc 50.000.000 đồng vào tài khoản của anh M sau đó anh M đã chuyển lại số tiền trên cho anh Đ1. Còn lại số tiền 352.360.000 đồng S nói dối đã nộp cho trường bên Úc chưa lấy lại được nên chưa hoàn trả nhưng thực tế S đã sử dụng số tiền trên để chi tiêu cá nhân hết mà không làm thủ tục gì cho chị Kim A.

Đến ngày 03/6/2024, anh Trần Văn Đ1 do không thấy S trả lại tiền nên đã có đơn trình báo cơ quan Công an việc bị S lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại cơ quan điều tra, Phạm Trường S khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tiến hành xác minh tại Sở G, xác định: Công ty Cổ phần D không có trong danh sách đăng ký, quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học của Sở G.

Cơ quan điều tra đã có công văn số 2138 ngày 02/7/2024 gửi Văn phòng Cơ quan điều tra C01 - Bộ C để tiến hành xác minh việc trường UIL của Ú có tiếp nhận hồ sơ xin du học và nhận tiền đóng học phí ăn ở của Trần Thị Kim A hay không. Ngày 08/8/2024, Văn phòng Cơ quan điều tra Bộ C có công văn số 4610 trả lời: Trường (U), Ú không tiếp nhận hồ sơ xin du học của Trần Thị Kim A (sinh ngày 08/8/2006); đồng thời, trên hệ thống quản lý hồ sơ đăng ký cấp thị thực của Phòng thị thực (Bộ N, Úc) không có đơn xin cấp thị thực (hồ sơ) của Trần Thị Kim A.

Ngày 13/9/2024, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Phạm Trường S trên hợp đồng dịch vụ tư vấn du học tự túc - nước Úc ngày 07/11/2023 ký giữa Phạm Trường S và anh Trần Văn Đ1 (ký hiệu A1); 01 bản cam kết hoàn tiền học phí ngày 06/12/2023 có chữ ký của Phạm Trường S (ký hiệu A2).

** Tại Bản kết luận giám định số 7048 ngày 21/10/2024 của V4 - Bộ C, kết luận:*

“...- Chữ ký đứng tên Phạm Trường S dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Phạm Trường S trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra.

Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Trường S dưới mục “NGƯỜI CAM KẾT” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Trường S trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký, viết ra”.

Đối với chị Ngô Thị Đ, quá trình điều tra xác định ngày 06/12/2023, sau khi S nhận tiền tư vấn du học của anh Đ1 thì có S bảo chị Đ viết 01 phiếu thu tiền và ký tên trên phiếu thu, chị Đ không biết và không tham gia bàn bạc cùng S tư vấn du học cho chị Kim A nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Đông Văn M, quá trình điều tra xác định anh M chỉ giới thiệu giúp làm hồ sơ đi du học. Anh M không bàn bạc gì với S và không được hưởng lợi ích gì từ việc làm thủ tục đi du học cho chị Kim A nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Sau khi biết anh Trần Văn Đ1 có đơn trình báo cơ quan Công an, từ ngày 05/7/2024 đến ngày 28/8/2024, Phạm Trường S đã khắc phục trả lại cho anh Đ1 tổng số tiền 322.000.000 đồng, số tiền 30.360.000 đồng còn lại anh Đ1 không yêu cầu S

phải bồi thường trả lại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 79/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Trường S 08 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2025.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/04/2025, bị cáo có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Phạm Trường S có đơn kháng cáo là hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình thức.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Trường S từ 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2025.

- Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo công nhận Bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Luật sư bào chữa đồng ý với ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”; Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như cấp sơ thẩm đã áp dụng và áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm: Bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng; Anh trai bị cáo đang công tác tại Công an tỉnh N được nhiều thành tích khen thưởng; Bị cáo được bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo đang là lao động chính trong gia đình, con của bị cáo sinh năm 2024 dưới 8 tháng tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Phạm Trường S có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] Về tội danh:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Trường S trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, phù hợp với các vật chứng thu giữ, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Phạm Trường S là Giám đốc Công ty Cổ phần D (Địa chỉ: Số I phố N, phường P, quận N, Hà Nội). Mặc dù Công ty D không có chức năng và bị cáo cũng không có khả năng làm thủ tục đưa người đi du học tại Úc, nhưng bị cáo vẫn đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng đưa người đi du học và cam kết sẽ làm được thủ tục cho em gái của anh Trần Văn Đ1 là chị Trần Thị Kim A đi du học tại Úc để yêu cầu anh Đ1 đặt cọc và chuyển tiền cho bị cáo. Ngày 21/6/2023, anh Trần Văn Đ1 do tin tưởng bị cáo S nên đã đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng và ngày 06/12/2023, anh Đ1 đã chuyển tiếp số tiền 352.360.000 đồng cho bị cáo S để làm thủ tục cho chị Kim A đi du học tại Úc. Sau khi nhận tiền, bị cáo không liên hệ làm thủ tục cho chị Trần Thị Kim A đi du học như đã hứa mà chiếm đoạt và sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 402.360.000 đồng. Bị cáo đã khắc phục trả lại cho anh Trần Văn Đ1 372.000.000 đồng, còn 30.360.000 đồng, anh Trần Văn Đ1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã tuyên bố bị cáo Phạm Trường S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; Sau khi xem xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, quan điểm của Luật sư bào chữa, nội dung đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 402.360.000 đồng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội.

Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo có 02 lần nhận tiền của bị hại với hai nội dung khác nhau, mỗi lần nhận

tiền đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Trong đó, ngày 06/12/2023 bị cáo nhận số tiền 352.360.000 đồng hứa hẹn để làm thủ tục cho chị Kim A đi du học tại Úc, đã đủ định lượng là tình tiết định khung theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Trường S 08 năm 06 tháng tù là có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Tự nguyện bồi thường số tiền đã chiếm đoạt; Tại cấp phúc thẩm, bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có ông nội, bà nội, ông ngoại là người có công với cách mạng và được tặng thưởng nhiều huân, huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, xét thấy bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo cũng đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về án phí và hiệu lực thi hành bản án:

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo hướng giảm hình phạt, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Phạm Trường S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Trường S 08 (Tám)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2025.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Trường S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Về hiệu lực bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1;
- CQCSĐT-CATP Hà Nội;
- VKSND khu vực 4;
- TAND khu vực 4;
- THADS khu vực 4;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Luật sư;
- Lưu Hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Hiếu